

Số: **23**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **09** tháng **01** năm **2017**

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị
tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 03/5/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/1/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 14/08/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Công văn số 2604/BXD-PTĐT ngày 21/11/2016 của Bộ Xây dựng về việc ý kiến thống nhất Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3495/TTr-SXD ngày 27/12/2016, Báo cáo số 3494/BC-HĐTĐ ngày 27/12/2016 của Hội đồng thẩm định Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 với nội dung chính sau:

1. Quan điểm và mục tiêu

a) Quan điểm:

- Phát triển hệ thống đô thị tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với lộ trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị theo hướng hiện đại.

- Nâng cao chất lượng đô thị gắn với các chiến lược phát triển kinh tế xã hội; đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, phân bố dân cư giữa các khu vực đô thị, nông thôn và miền núi, giữa các vùng kinh tế xã hội; sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội.

- Kiểm soát phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và nâng tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh. Các đô thị được phân bố và phát triển hợp lý theo vị trí, tính chất và chức năng; đồng thời phát huy đầy đủ các thế mạnh của tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm.

b) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt, phù hợp với chương trình phát triển đô thị Quốc gia và phù hợp với các chủ trương chính sách của tỉnh.

- Rà soát tổng thể các tiêu chí về kinh tế - xã hội và hạ tầng đô thị, từ đó xây dựng kế hoạch, lộ trình khắc phục và hoàn thiện những tiêu chí còn thiếu, còn yếu; Đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng khung và hệ thống đô thị trên toàn tỉnh.

- Làm cơ sở để lập các đề án đánh giá phân loại, nâng loại đô thị, thành lập thị xã, thị trấn, phường trong tương lai.

2. Phạm vi nghiên cứu: Toàn bộ ranh giới quản lý hành chính của tỉnh Quảng Ngãi với tổng diện tích tự nhiên là 5.152,49km², gồm 14 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm thành phố Quảng Ngãi và 13 huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ, Lý Sơn.

3. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025

a) Về hệ thống đô thị:

Tỉnh Quảng Ngãi hiện có 14 đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố

trực thuộc. Trong đó, hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh hiện có 13 đô thị, bao gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Quảng Ngãi), 01 đô thị loại IV (thị trấn Đức Phổ mở rộng), 08 thị trấn là đô thị loại V hoặc tương đương (Châu Ổ, Trà Xuân, Di Lăng, La Hà, Sông Vệ, Mộ Đức, Ba Tơ, Chợ Chùa) và 03 khu vực đã được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (Vạn Tường, Minh Long, Lý Sơn). Ngoài ra, còn có 03 Trung tâm huyện lỵ (Sơn Tịnh, Sơn Tây, Tây Trà) chưa được đánh giá, phân loại và thành lập đô thị trực thuộc huyện.

- Giai đoạn 2016-2020: Toàn tỉnh Quảng Ngãi có 18 đô thị, bao gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Quảng Ngãi); 04 đô thị loại IV (thị trấn Đức Phổ mở rộng, Vạn Tường, thị trấn Châu Ổ mở rộng và thị trấn Di Lăng); 13 đô thị loại V (Lý Sơn, Ba Tơ, Minh Long, Trà Xuân, Chợ Chùa, La Hà, Mộ Đức, Thạch Trụ, Sơn Tịnh mới, Sơn Tây, Tây Trà, Sa Huỳnh và Sông Vệ). Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt khoảng 23,10%

- Định hướng giai đoạn 2021-2025: Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn còn thiếu và yếu của các đô thị, nâng hệ thống đô thị toàn tỉnh Quảng Ngãi đạt được 19 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Quảng Ngãi); 05 đô thị loại IV (gồm: Đức Phổ, Vạn Tường, thị trấn Châu Ổ mở rộng, Di Lăng và Lý Sơn); 13 đô thị loại V (Dốc Sỏi, Tịnh Phong, La Hà, Sông Vệ, Chợ Chùa, Mộ Đức, Ba Tơ, Trà Xuân, Thạch Trụ, Minh Long, Tây Trà, Sơn Tây và Sơn Tịnh mới). Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt khoảng 27,82%.

- Tầm nhìn đến 2030: Hệ thống đô thị toàn tỉnh có 21 đô thị, gồm : 01 đô thị loại II (Thành phố Quảng Ngãi); 01 đô thị loại III (đô thị Dung Quất); 07 đô thị loại IV (Đức Phổ, Châu Ổ mở rộng, Di Lăng, Lý Sơn, đô thị La Hà sát nhập với Sông Vệ, thị trấn Ba Tơ và thị trấn Trà Xuân); 12 đô thị loại V (Sơn Tịnh mới, Sa Huỳnh, Phổ Phong, Chợ Chùa, Nam Sông Vệ, Mộ Đức, Thạch Trụ, Trà Bình, Tây Trà, Sơn Tây, Minh Long và Ba Vì). Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt khoảng 32,61%. (Đối với thị trấn Ba Tơ, thị trấn Trà Xuân đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2030)

b) Về chất lượng đô thị:

b.1) Chất lượng đô thị đến năm 2020:

- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 29 m²/người đến 30m²/người; tỷ lệ nhà kiên cố đạt 90%.

- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị: đối với đô thị loại II đạt từ 18-20% trở lên đô thị từ loại IV đến loại V đạt từ 20% trở lên. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tại đô thị loại II đạt 14% ; đô thị loại IV và loại V đạt từ 2-4%.

- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch và tiêu chuẩn cấp nước tại các đô thị loại II đến loại IV đạt 80% và 100-120 lít/người/ngày đêm; đô thị loại V đạt

60%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 80-90 lít/người/ngày đêm.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 70-80% diện tích lưu vực thoát nước trong khu vực nội thị của các đô thị; lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt 10-15% đối với thành phố Quảng Ngãi, đạt 8-10% đối với đô thị Vạn Tường - Dung Quất và đạt 2-5% đối với các đô thị còn lại trên địa bàn tỉnh; 90% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 95%. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 20% đối với các đô thị từ loại II đến loại IV, dưới 25% đối với các đô thị loại V.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 90%; 95% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính và khu nhà ở, ngõ xóm tại các đô thị loại II đạt 90-95%; các đô thị loại IV, loại V đạt 80-90% chiều dài các tuyến đường chính và 60-70% chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng.

- Đất cây xanh đô thị, đối với đô thị loại II đạt 9-10 m²/người; đô thị loại IV đạt 7 m²/người; đô thị loại V đạt 3-4 m²/người. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt từ 4-5 m²/người.

b.2) Chất lượng đô thị đến năm 2025:

- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 30m²/người đến 32 m²/người; tỷ lệ nhà kiên cố đạt 95%.

- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị: đối với đô thị loại II đạt từ 20-22% trở lên; đô thị từ loại IV đến loại V đạt từ 20% trở lên. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tại đô thị loại II đạt 15%; đô thị loại IV và loại V đạt từ 4-5%.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch và tiêu chuẩn cấp nước tại các đô thị loại II đến loại IV đạt 90% và 120 lít/người/ngày đêm; đô thị loại V đạt 70%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 90-100 lít/người/ngày đêm.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 80-85% diện tích lưu vực thoát nước trong khu vực nội thị của các đô thị, 15-20% lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý; 95% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 95-100%. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18% đối với các đô thị từ loại II đến loại IV; dưới 20% đối với các đô thị loại V.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 95-100%; 100% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính và khu nhà ở, ngõ xóm tại các đô thị loại II đạt 95-100%; các đô thị loại IV, loại V đạt 90-95% chiều dài các tuyến đường chính và 70-85% chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng.

- Đất cây xanh đô thị, đối với đô thị loại II đạt 10-12 m²/người; đô thị loại IV đạt 8 m²/người; đô thị loại V đạt 5-6 m²/người. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt từ 5-6 m²/người.

4. Lộ trình và kế hoạch nâng loại đô thị

a) Lộ trình nâng loại đô thị:

- Giai đoạn 2016 - 2020: Bên cạnh 08 đô thị đã được cấp có thẩm quyền công nhận (gồm: thành phố Quảng Ngãi là đô thị loại II, đô thị Đức Phổ là loại IV và 06 đô thị loại V là Vạn Tường, Lý Sơn, Ba Tơ, Minh Long, Trà Xuân và Chợ Chùa); cần tập trung đầu tư xây dựng, phân loại đô thị Vạn Tường, thị trấn Châu Ô mở rộng (sát nhập thêm khu vực đô thị Bình Long) và thị trấn Di Lăng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; phân loại và công nhận 02 thị trấn (La Hà, Mộ Đức), 03 đô thị trực thuộc huyện (Sông Vệ, Thạch Trụ, Sa Huỳnh), 02 Trung tâm huyện lỵ (Sơn Tây, Tây Trà) và 01 Trung tâm huyện lỵ mới Sơn Tịnh đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

- Định hướng giai đoạn 2021 - 2025: Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu và yếu của các đô thị đã được công nhận phân loại đô thị. Tiếp tục đầu tư xây dựng đô thị Lý Sơn đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV. Tập trung đầu tư xây dựng thị trấn Ba Tơ, thị trấn Trà Xuân đạt một số tiêu chí đô thị loại IV; phân loại và công nhận thêm các đô thị trực thuộc huyện: Dốc Sỏi, Tịnh Phong, Phổ Phong đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

- Tầm nhìn đến năm 2030: Phát triển Dung Quất trở thành đô thị loại III (với hạt nhân là đô thị Vạn Tường - loại IV và các điểm đô thị Dốc Sỏi, Tịnh Phong, Sa Kỳ - loại V); sát nhập đô thị La Hà và Sông Vệ thành đô thị trực thuộc huyện đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; phân loại và công nhận thị trấn Ba Tơ, thị trấn Trà Xuân đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV vào năm 2030. Xây dựng công nhận thêm các đô thị trực thuộc huyện: Nam Sông Vệ, Trà Bình, Ba Vì đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

b) Kế hoạch nâng loại đô thị giai đoạn 2016-2020:

T	Cấp quản lý / Tên đô thị	Hiện trạng	Đô thị đề xuất nâng loại theo giai đoạn				
		2016	2017	2018	2019	2020	
A	Đô thị trung tâm cấp vùng						
1	TP Quảng Ngãi	II	II	II	II	II	
2	ĐT Vạn Tường	V	V	V	V	IV	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>						x
B	Đô thị trung tâm cấp tỉnh						
	Đô thị Đức Phổ	-	-	IV	IV	IV	
3	Thị trấn Đức Phổ mở rộng	IV	IV	IV	IV	IV	
4	ĐT Sa Huỳnh	-	V	V	V	V	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>	x	x				
5	Thị trấn Di Lăng - huyện Sơn Hà	V*	V*	V*	V*	IV	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>				x	x	
C	Đô thị trung tâm cấp huyện						
	Huyện Bình Sơn						
6	Thị trấn Châu Ô - Bình Long	V*	V*	V*	V*	IV	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>				x	x	
	Huyện Tư Nghĩa						
7	Thị trấn La Hà	V*	V	V	V	V	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>	x	x				
8	Thị trấn Sông Vệ	V*	V*	V*	V	V	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>			x	x		
	Huyện Nghĩa Hành						
9	Thị trấn Chợ Chùa	V	V	V	V	V	
	Huyện Mộ Đức						
10	Thị trấn Mộ Đức	V*	V*	V	V	V	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>			x			
11	Đô thị mới Thạch Trụ	-	-	-	V	V	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>			x	x		
	Huyện Trà Bồng						
12	Thị trấn Trà Xuân	V	V	V	V	V	

T	Cấp quản lý / Tên đô thị	Hiện trạng	Đô thị đề xuất nâng loại theo giai đoạn				
		2016	2017	2018	2019	2020	
	Huyện Minh Long						
13	Đô thị Minh Long	V	V	V	V	V	
	Huyện Ba Tư						
14	Thị trấn Ba Tư	V	V	V	V	V	
	Huyện Lý Sơn						
15	Trung tâm huyện lỵ Lý Sơn	V	V	V	V	V	
	Huyện Sơn Tịnh						
16	Trung tâm huyện lỵ mới Sơn Tịnh	-	-	-	-	V	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>						x
	Huyện Sơn Tây						
17	Trung tâm huyện lỵ Sơn Tây	-	-	-	-	V	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>						x
	Huyện Tây Trà						
18	Trung tâm huyện lỵ Tây Trà	-	-	-	-	V	
	<i>Giai đoạn lập đề án phân loại</i>						x
	Tổng đô thị được phân loại và công nhận	8	10	11	13	18	

- V, IV, III, II: Là các đô thị đã được cấp có thẩm quyền công nhận loại đô thị theo quy định.

- V*: Là thị trấn (tương đương đô thị loại V) nhưng chưa được phân loại, công nhận.

- (-) Là đô thị chưa được phân loại.

- (x) Là giai đoạn lập đề án phân loại đô thị.

5. Nhu cầu vốn, danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016-2020:

a) Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020:

TT	Nội dung	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020 (tỷ đồng)
1	Vốn phát triển hạ tầng khung	35.173,2
1.1	Hạ tầng xã hội	12.974,3
1.2	Hạ tầng kinh tế	2.853,5

1.3	Hạ tầng kỹ thuật và công trình đầu mối	19.345,4
2	Vốn phát triển hệ thống đô thị	17.289,0
TỔNG		52.462,2

b) Cơ cấu vốn:

TT	Danh mục	Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020 (tỷ đồng)	Nguồn vốn (tỷ đồng)			
			Vốn NS Trung ương	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS TP, huyện	Vốn khác
1	Nhu cầu vốn phát triển hạ tầng khung	35.173,4	4.922,1	3.602,8		26.589,3
1.1	Hạ tầng xã hội	12.974,3	1.399,0	1.332,3		10.184,0
1.2	Hạ tầng kinh tế	2.853,7	833,0	711,0		1.309,5
1.3	Hạ tầng kỹ thuật	19.345,4	2.690,1	1.559,6		15.095,7
2	Nhu cầu vốn phát triển đô thị	17.289,0	1.221,4	3.481,7	234,5	12.351,2
Tổng cộng		52.462,2	6.143,7	7.084,5	234,5	38.940,5

c) Vốn ngân sách ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016-2020:

TT	Danh mục dự án	Vốn (tỷ đồng)	Nguồn vốn (tỷ đồng)		
			Ngân sách WT	Ngân sách Tỉnh	NS huyện TP
A	Vốn NS phát triển hạ tầng khung, các công trình đầu mối	8.524,9	4.922,1	3.602,8	
I	Hạ tầng xã hội	2.731,3	1.399,0	1.332,3	
a	Nhà ở	249,1	234,3	14,8	
b	Giáo dục đào tạo	1.100,3	423,3	677,0	
c	Y tế	796,4	416,0	380,4	
d	Văn hóa thể thao du lịch	585,5	325,5	260,0	
II	Hạ tầng kinh tế	1.544,0	833,0	711,0	
a	Thương mại dịch vụ	277,7		277,7	
b	Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	1.191,3	833,0	358,3	
c	Thông tin	75,0		75,0	
III	Hạ tầng kỹ thuật	4.249,7	2.690,1	1.559,6	
a	Giao thông	3.803,1	2.655,1	1.148,0	
b	Cấp Điện	0,0			
c	CTR và nghĩa trang	261,4		261,4	

d	Thoát nước	88,0		88,0	
e	Cấp nước	97,2	35,0	62,2	
B	Vốn NS đầu tư vào đô thị	4.937,8	1.221,6	3.481,7	234,5
	Tổng vốn	13.462,7	6.143,8	7.084,5	234,5

d) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

Danh mục dự án ưu tiên đầu tư được cập nhật từ đề án Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt (tại Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) và theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và Kế hoạch đầu tư công năm 2017 vừa được UBND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2016.

(Chi tiết xem thuyết minh chương trình)

6. Giải pháp thực hiện:

a) Công tác quy hoạch phát triển đô thị:

- Định kỳ rà soát các đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và tình hình thực hiện quy hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo quy hoạch hợp lý; kịp thời phát hiện các vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai có giải pháp điều chỉnh mang tính chất bao quát, dài hạn nhằm giải quyết triệt để những tồn tại, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổ chức lập các quy hoạch phân khu đô thị trên cơ sở các đề án quy hoạch chung được duyệt, làm cơ sở xác định các khu vực phát triển thị, lập các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị; Tổ chức lập và khớp nối quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500, tăng tỉ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết trung tâm các đô thị, đặc biệt là các khu chức năng quan trọng của đô thị.

- Đẩy mạnh công tác thiết kế đô thị và quản lý kiến trúc đô thị: Khẩn trương tổ chức lập, phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc cho các đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Có cơ chế thích hợp để cộng đồng dân cư tham gia trong quá trình lập quy hoạch - nhất là các đề án quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang đô thị - để tạo sự đồng thuận; đẩy mạnh việc cung cấp thông tin kiến trúc quy hoạch đô thị - làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

b) Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách quản lý, đầu tư phát triển đô thị:

- Rà soát, đánh giá các chính sách hiện hành về: bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, chuyển đổi ngành nghề, ưu đãi, khuyến khích đầu tư... để sửa đổi hoặc ban hành một cách đồng bộ, nhất quán.

- Ban hành cơ chế, chính sách thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, nhà ở cho người thu nhập thấp... nhằm huy động tối đa các nguồn lực tham gia đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

- Xây dựng mô hình quản lý đô thị đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả trong công tác phát triển đô thị bền vững.

- Đẩy mạnh cải cách, tinh giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong đầu tư phát triển đô thị; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho nhà đầu tư, đặc biệt đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách.

- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nhất quán trong cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để tạo niềm tin cho nhà đầu tư. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư; đẩy mạnh liên doanh, liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước. Chú trọng cung cấp thông tin, quảng bá những tiềm năng thế mạnh, những cơ hội làm ăn và định hướng phát triển của tỉnh cho các nhà đầu tư. Xây dựng, cập nhật thường xuyên và phổ biến rộng rãi các quy định về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư của tỉnh; cung cấp đầy đủ và minh bạch hệ thống các chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư, danh mục các lĩnh vực ưu tiên và ưu đãi đầu tư.

c) Quản lý đất đai, thị trường bất động sản:

- Quản lý và phát triển quỹ đất đô thị theo quy hoạch được duyệt, lộ trình phù hợp với từng giai đoạn phát triển và nhu cầu sử dụng.

- Đẩy mạnh thu hồi đất theo quy hoạch, tạo quỹ đất “sạch” để đấu giá quyền sử dụng đất, góp phần tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển đô thị;

- Phát huy vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong việc giám sát, ban hành khung giá, điều chỉnh giá thị trường bất động sản theo nhu cầu thực.

d) Vốn đầu tư phát triển đô thị:

- Nguồn vốn ngân sách được ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, các dự án chiến lược (có khả năng thu hút các dự án khác cùng tham gia), các dự án hạ tầng xã hội thiết yếu và các khu vực có khả năng kết hợp khai thác quỹ đất. Nâng cao hơn nữa tính hiệu quả trong việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn ngân sách - theo hướng tập trung ưu tiên cho các dự án trọng tâm, trọng điểm; tránh sử dụng vốn ngân sách đầu tư dàn trải, xây dựng các công trình không thiết thực, thiếu hiệu quả.

- Nghiên cứu kết hợp, lồng ghép các dự án, công trình trọng điểm của địa phương vào các chương trình mục tiêu, dự án của các Bộ, Ngành, Chính phủ nhằm tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ Trung ương.

- Tập trung, huy động nhiều nguồn lực phục vụ đầu tư xây dựng đô thị;

Đẩy mạnh việc huy động nguồn vốn ngoài ngân sách, vốn ODA, vốn FDI; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị theo hình thức đối tác công tư (PPP), xem đây là nguồn lực chủ yếu để đầu tư phát triển đô thị trong giai đoạn đến.

- Tích cực vận động và xây dựng kế hoạch hợp lý để huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư đô thị tham gia đầu tư xây dựng các tuyến hạ tầng kỹ thuật nội bộ quy mô nhỏ trong khối phố, khu dân cư.

- Tiếp tục khai thác một cách hợp lý, có hiệu quả quỹ đất đô thị; Rà soát và đánh giá đúng thực trạng cung - cầu của thị trường bất động sản để có giải pháp kiểm soát hiệu quả; đồng thời tích cực tháo gỡ vướng mắc, khó khăn nhằm đưa thị trường phát triển lành mạnh, đúng hướng.

e) Đào tạo, bồi dưỡng, nguồn nhân lực cho phát triển đô thị.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp ngang tầm với yêu cầu quản lý và phát triển đô thị trong tình hình mới, nhất là các khu vực đô thị có dự kiến nâng loại hoặc thành lập mới. Đội ngũ cán bộ chuyên môn phải đảm bảo đủ phẩm chất, trình độ, năng lực thực tiễn để thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu cho chính quyền đô thị trong quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị.

- Tiếp tục tổ chức nhiều hơn nữa các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về những lĩnh vực thiết thực có liên quan đến quản lý đô thị.

- Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Trên cơ sở đó, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân lực.

7. Tổ chức thực hiện

a) Sở Xây dựng:

- Chủ trì công bố Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ và cung cấp thông tin đến các tổ chức, cá nhân liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.

- Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, đơn vị triển khai lập Chương trình phát triển cho từng đô thị trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt Chương trình phát triển cho từng đô thị theo đúng quy định.

- Hướng dẫn các địa phương, đơn vị lập đề án phân loại đô thị theo kế hoạch được phê duyệt. Chủ trì tổ chức thẩm định hoặc tham mưu UBND tỉnh trình cấp có quyền thẩm định đề án phân loại và công nhận đô thị theo quy định.

- Hướng dẫn các địa phương, đơn vị tổ chức lập, điều chỉnh, thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và quản lý các quy hoạch chung, quy hoạch

phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị; kể cả các khu vực dân cư đô thị chỉnh trang, đảm bảo định hướng phát triển đô thị theo mục tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án thuộc chương trình, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình triển khai thực hiện Chương trình, báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, các sở ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách và huy động các nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ mục tiêu của Trung ương, vốn hỗ trợ của các tổ chức tài chính Quốc tế, vốn vay, vốn ODA và các nguồn vốn khác để thực hiện đạt mục tiêu Chương trình đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, các sở ban ngành và UBND các huyện, thành phố nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị.

- Tổng hợp kế hoạch, kinh phí đầu tư phát triển hàng năm và các nguồn vốn lồng ghép phục vụ triển khai thực hiện Chương trình, dự án đầu tư tại các đô thị trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Xây dựng để theo dõi, đôn đốc và giám sát thực hiện quá trình phát triển từng đô thị tại địa phương.

c) Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, các sở ban ngành và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh tổng hợp kinh phí đầu tư phát triển hàng năm từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước phục vụ đầu tư phát triển đô thị, trình HĐND tỉnh thông qua dự toán chi hàng năm và hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện và thanh quyết toán.

d) Sở Nội vụ:

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo: lập đề án điều chỉnh địa giới hành chính đô thị, lập đề án, hồ sơ thành lập thành phố, thị xã, phường, thị trấn theo định hướng lộ trình phát triển đô thị đã xác định trong Chương trình. Tổ chức thẩm định hoặc tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ thẩm định đề án điều chỉnh địa giới hành chính đô thị, đề án, hồ sơ thành lập thành phố, thị xã, phường, thị trấn - trước khi trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý đô thị; Đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển đô thị.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan rà soát đánh giá hiệu quả sử dụng đất tại các đô thị; rà soát, tham mưu việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại các đô thị phù hợp với lộ trình phát triển đô thị theo từng giai đoạn.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan đề xuất, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, ban hành các cơ chế, chính sách và giải pháp về thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, tái định cư, xác định giá đất, phương án khai thác quỹ đất phục vụ dự án và giải pháp tăng cường cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đô thị; thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm trong đô thị.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tình hình triển khai các dự án đã được giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh, tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất đối với các dự án không có khả năng triển khai thực hiện hoặc chậm tiến độ thực hiện.

f) Các sở, ban, ngành liên quan:

Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực sở ngành phụ trách liên quan đến quản lý phát triển đô thị, đồng thời tham gia huy động nguồn lực để phát triển hạ tầng đô thị.

g) UBND cấp huyện, thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi:

- Căn cứ Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 được phê duyệt, tổ chức lập Chương trình phát triển riêng các đô thị trực thuộc, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt; Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển đô thị đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; Sử dụng có hiệu quả, hợp lý các nguồn vốn (đặc biệt là nguồn vốn ngân sách được phân bổ); tích cực, chủ động tìm kiếm, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư xây dựng và phát triển đô thị.

- Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân về tầm quan trọng của việc phát triển đô thị; vận động nhân dân tích cực đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng đô thị, tham gia giám sát tạo sự đồng thuận trong quá trình đầu tư xây dựng và phát triển đô thị.

- Định kỳ rà soát lại các đề án quy hoạch đô thị trên địa bàn, trường hợp cần thiết đề xuất giải pháp điều chỉnh, bổ sung. Tổ chức lập, khớp nối quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cho các khu chức năng của đô thị,

nhất là các khu chức năng quan trọng; lập, phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị.

- Định kỳ 6 tháng, hàng năm, tổ chức kiểm tra, rà soát tình hình triển khai Chương trình phát triển đô thị ở địa phương, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND các huyện, thành phố Quảng Ngãi;
- VPUB: PVP, các phòng N/c, CB;
- Lưu: VT, CNXD.ttsáng.7



Trần Ngọc Căng